

Số: 63 /QĐ-UBND

Sơn La, ngày 15 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án cung ứng điện năm 2024
trên địa bàn tỉnh Sơn La khi hệ thống điện quốc gia thiếu nguồn
hoặc vận hành ở chế độ khẩn cấp

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính Phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật điện lực ngày 03/12/2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật điện lực ngày 20/11/2012;

Căn cứ Nghị định 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực;

Căn cứ thông tư số 34/2011/TT-BCT ngày 07/09/2011 của Bộ Công Thương quy định về việc lập và thực hiện kế hoạch cung ứng điện khi hệ thống điện Quốc gia thiếu nguồn điện;

Căn cứ Thông tư số 22/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ Công Thương về việc quy định điều kiện, trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện;

Theo đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 174/TTr-SCT ngày 29/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án cung ứng điện năm 2024 trên địa bàn tỉnh Sơn La khi hệ thống điện quốc gia thiếu nguồn hoặc vận hành ở chế độ khẩn cấp (có phương án kèm theo).

Điều 2. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm:

1. Sở Công Thương: Chỉ đạo, giám sát việc thực hiện nội dung tại Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Công ty Điện lực Sơn La: thực hiện nghiêm túc trình tự, thủ tục ngừng giảm mức cung cấp điện đúng với quy định, phù hợp với kế hoạch công suất và sản lượng điện được giao.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Giám đốc Công ty Điện lực Sơn La; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương (b/c);
- TT. Tỉnh ủy (b/c);
- TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, HS, Biên KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Công



PHƯƠNG ÁN

Cung ứng điện năm 2024 trên địa bàn tỉnh Sơn La khi hệ thống điện quốc gia thiếu nguồn hoặc vận hành ở chế độ khẩn cấp

Quyết định số 63 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2024 của UBND tỉnh Sơn La)

I. CĂN CỨ VÀ MỤC ĐÍCH CỦA PHƯƠNG ÁN CUNG ỨNG ĐIỆN

1. Căn cứ lập phương án

Căn cứ luật Điện lực ngày 3/12/2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20/11/2012;

Căn cứ nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 31/10/2013 của Thủ tướng chính phủ qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi bổ sung, một số điều của luật Điện lực;

Căn cứ thông tư 34/2011/TT-BCT ngày 07/9/2011 của Bộ Công thương V/v lập và thực hiện kế hoạch cung ứng điện khi hệ thống điện quốc gia thiếu nguồn điện;

Căn cứ thông tư 23/2017/TT-BCT ngày 16/11/2017 của Bộ Công thương V/v quy định nội dung, trình tự thực hiện các chương trình điều chỉnh phụ tải điện;

Căn cứ thông tư 22/2020/TT-BCT ngày 09/09/2020 của Bộ Công thương V/v Quy định điều kiện, trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện;

Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 08/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường tiết kiệm điện giai đoạn 2023-2025 và các năm tiếp theo;

Căn cứ Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 23/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tăng cường tiết kiệm điện trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2023-2025 và các năm tiếp theo;

Căn cứ văn bản 4901/EVNNPC-KT ngày 24/10/2023 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc về việc chuẩn bị kế hoạch vận hành trong trường hợp thiếu nguồn năm 2024.

Căn cứ văn bản 2939/EVN-KTSX+KD ngày 01/06/2023 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về ban hành bảng phân bổ mức ngừng giảm cung cấp điện khi Hệ thống điện Quốc gia vận hành trong chế độ cực kỳ khẩn cấp.

Căn cứ văn bản 2496/EVNNPC-KT ngày 02/06/2023 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc phân chia mức ngừng giảm cung cấp điện cho các Công ty Điện lực thành viên khi hệ thống điện Quốc gia vận hành trong chế độ cực kỳ khẩn cấp.

2. Mục đích của phương án

Phương án cung ứng điện năm 2024 được lập làm cơ sở để Công ty Điện lực Sơn La thực hiện điều chỉnh, tiết giảm phụ tải trong các trường hợp sau:

- Trường hợp hệ thống điện Quốc gia thiếu nguồn (được quy định tại thông tư 34/2011/TT-BCT ngày 07/09/2011). Chế độ này được Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia/EVN công bố trong các phương thức, kế hoạch vận hành năm, tháng, tuần.

- Trường hợp hệ thống điện Quốc gia vận hành ở chế độ cực kỳ khẩn cấp (được quy định tại Thông tư quy định quy trình xử lý sự cố trong hệ thống điện Quốc gia). Được thực hiện khi có lệnh điều độ trong thời gian thực của Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia, miền Bắc (A0/A1).

II. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH CUNG ỨNG ĐIỆN NĂM 2023

1. Nguồn điện và lưới điện

1.1 Nguồn cấp từ máy cắt các trạm biến áp (TBA) 220kV, 500kV:

- TBA 500kV Sơn La (2x900 MVA).
- TBA 220kV E17.6 Sơn La (2x250 MVA).
- TBA 220kV E17.50 Mường La (2x125 MVA).

1.2 Các nguồn điện đầu nối lưới 220kV, 500kV

- Thủy điện Sơn La A17.0 (6x400 MW);
- Thủy điện Nậm Chiến 1 A17.25 (2x100 MW);
- Thủy điện Huội Quảng A29.10 (2x260MW);
- Thủy điện Suối Sập 2A A17.55 (2x49,8MW);

1.3 Các nguồn điện đầu nối lưới 110kV và lưới trung, hạ áp.

- Gồm 57 nhà máy thủy điện nhỏ đầu nối lưới 110kV và lưới trung áp với tổng công suất 639,05MW.

- 701 hệ thống ĐMTMN nối lưới trung hạ áp, tổng công suất 61,2 MW.

1.4 Lưới điện 110kV:

- Trên địa bàn tỉnh có 35 trạm biến áp 110kV; trong đó: 08 trạm/12 máy/348 MVA thuộc tài sản ngành điện phục vụ phân phối và 28 trạm/39 máy/596,9 MVA phục vụ truyền tải các nhà máy thủy điện nhỏ nối lưới thuộc tài sản của các chủ đầu tư.

- + Có 21 đường dây 110kV với tổng số km đường dây 110kV: 553.84 km.

1.5 Lưới điện trung, hạ áp

- Lưới điện trung áp: 5.449,29 km đường dây trung áp. Trong đó:

+ Tài sản ngành điện: 5.287,96, chiếm 97,04%

+ Tài sản khách hàng: 161,33, chiếm 2,96%

- Lưới điện hạ áp: 2.811 trạm biến áp 2.821 máy biến áp với tổng công suất là 400.341,5kVA. Đường dây hạ áp có tổng chiều dài 5.187,46 km, trong đó:

- + Tài sản ngành điện: 5.175,49 km

+ Tài sản khách hàng: 11,97 km

2. Công suất và sản lượng năm 2023

2.1 Công suất sử dụng cực đại

Pmax (MW)	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
2023	207.1	203.2	188.9	175.5	164.8	156.2	151.1	160.9	174.8	201.3	221.9	235.1
2022	187.3	192.5	173.0	168.4	156.1	142.3	147.9	155.3	165.4	188.5	190.6	208.6
% tăng trưởng	110.5%	105.6%	109.2%	104.3%	105.5%	109.8%	102.2%	103.5%	105.7%	106.8%	116.4%	112.7%

2.2 Sản lượng ngày cực đại

A ngày max (MWh)	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
2023	2533.9	2241.8	2239.8	2436.0	2681.9	2611.3	2445.4	2418.6	2388.0	2453.7	2419.4	2551.8
2022	2270.4	2260.9	2073.6	2173.8	2132.7	2184.7	2327.6	2262.3	2236.6	2125.6	2196.5	2395.3
% tăng trưởng	111.6%	99.2%	108.0%	112.1%	125.7%	119.5%	105.1%	106.9%	106.8%	115.4%	110.1%	106.5%

2.3 Dự kiến sản lượng điện thương phẩm cả năm 2023

Năm	Sản lượng điện thương phẩm (triệu kWh)
Năm 2023	835.72
Năm 2022	722.69
% tăng trưởng	115.64 %

3. Tỷ trọng thành phần phụ tải năm 2023

Công suất vận hành max ngày điển hình hè năm 2023: 164.8 MW, trong đó:

Công suất các phụ tải ưu tiên cấp điện là: 17.4 MW, tương ứng 10.6% Pmax.

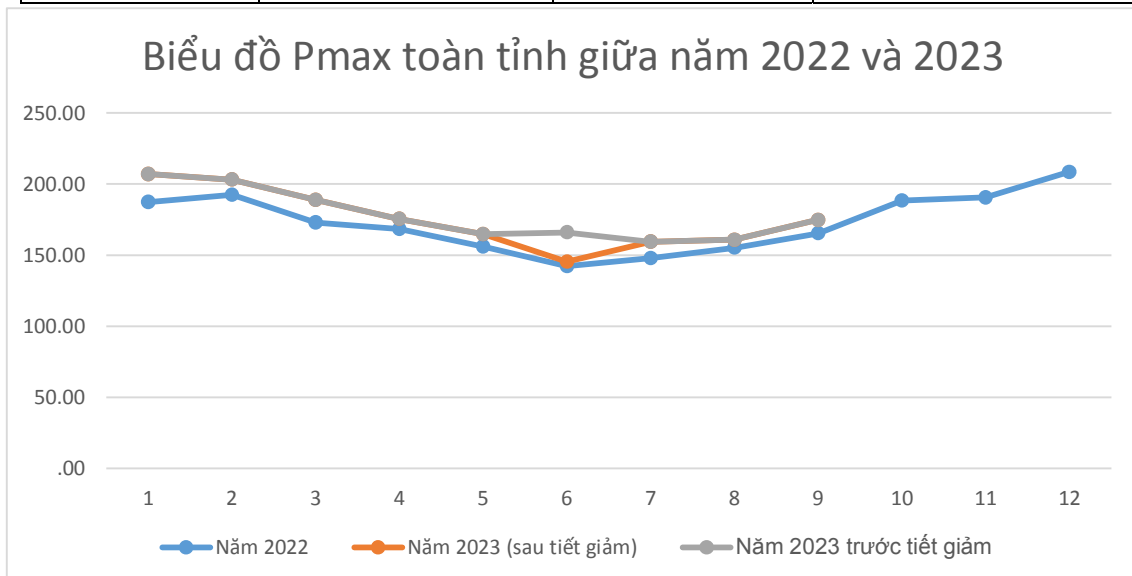
Công suất các khách hàng CN: 21.2 MW, tương ứng 12.9% Pmax.

Công suất phụ tải sinh hoạt: 126.2 MW, tương ứng 76.6% Pmax.

4. Công suất và sản lượng tiết giảm năm 2023

Năm 2023, trong thời gian các ngày nắng nóng (nhiệt độ $\geq 36^{\circ}\text{C}$), do hệ thống điện miền Bắc thiếu nguồn, Công ty Điện lực Sơn La đã thực hiện tiết giảm công suất vào giờ cao điểm các ngày nắng nóng. Chi tiết công suất tiết giảm như sau:

Ngày/tháng	CS sau khi tiết giảm (MW)	CS tiết giảm (MW)	CS trước khi tiết giảm (MW)
17/5	157.0	5	162
18/5	159.0	5	164
19/5	156.0	8	164
20/5	162.0	8	170
22/5	165.0	5	170
01/6	142.5	19.2	161.7
02/6	145.5	20.5	166
03/6	129.9	26.8	156.7
04/6	118.7	15.9	134.6
05/6	121.8	5.3	127.1
06/6	117.3	7.7	125.0
07/6	117.9	12.9	130.8
08/6	117.5	23.5	141.01
09/6	114.6	9.2	123.8
10/6	128.3	8.2	136.5
11/6	129.0	1.5	130.5
12/6	123.8	6.9	130.7
13/6	123.4	8.4	131.9
14/6	123.8	8.6	132.4
15/6	121.3	6.9	128.2
16/6	120.7	7.5	128.2
17/6	121.3	8.4	129.7
18/6	120.6	6.2	126.8
19/6	122.5	2.3	124.8
20/6	121.0	3.7	124.7
21/6	121.4	2.0	123.4
22/6	121.4	3.9	125.3



5. Mang tải đường dây 110kV năm 2023

Mức độ mang tải trung bình các đường dây 110kV là từ 30-80%, chỉ còn có 01 đường dây vận hành đầy tải do thủy điện nhỏ phát cao đặc biệt vào các tháng mùa mưa, cụ thể:

Mã TBA	Tên đường dây	% Mang tải	Lý do
E17.6 (220kV Sơn La)	173 E17.6 Sơn La - 173 A17.45 Sập Việt - NR Xi mãng Mai Sơn	Tháng 4 = 78% Tháng 5 = 53% Tháng 6 = 94% Tháng 7 = 73% Tháng 8 = 104.3% Tháng 9 = 99.8%	Mang tải cao do truyền tải công suất TĐN. Tổng công suất TĐN đầu nối là 109.1 MW (gồm có 6 TĐN đầu vào lưới 110kV với tổng công suất 81.8 MW, trạm 110kV Mộc Châu có 7 TĐN đầu nối trung áp với tổng công suất 27,3 MW)

6. Mang tải MBA 110kV năm 2023

Mang tải các TBA 110kV: Hiện tại Công ty Điện lực Sơn La đang vận hành 12 MBA 110kV tài sản ngành điện, với sự hỗ trợ của 22 nhà máy thủy điện nhỏ (147,8 MW) và 43 nguồn điện mặt trời (41MW) đầu nối vào hệ thống các MBA 110kV không vận hành quá tải, một số MBA mang tải cao trong thời gian ngắn (từ 18h00 đến 18h30) hoặc do thay đổi kết dây, tách thiết bị để sửa chữa, công tác, trong đó:

Có 6 MBA mang tải từ 90-100%: MBA T2 Mộc Châu, T1 Sơn La, T2 Sơn La, T1 Mường La. T1 Thuận Châu, T1 Phù Yên do tải cao vào giờ cao điểm tối

Có 2 MBA mang tải từ 80-90%: MBA T2 Phù Yên, T1 Sông Mã

Có 2 MBA mang tải từ 50-80%: MBA T2 Mường La, T1 Mai Sơn

Có 1 MBA mang tải trên 100%: MBA T1 Mộc Châu. (do TĐ Xuân nha tách máy sửa chữa thiết bị)

7. Mang tải lưới điện trung áp năm 2023

Mức độ mang tải trung bình của các đường dây trung áp là từ 30÷75%, không có đường dây nào vận hành đầy tải.

III. DỰ BÁO NHU CẦU PHỤ TẢI NĂM 2024

1. Tình hình phát triển phụ tải lớn trên địa bàn

STT (1)	Tên khách hàng (2)	Công suất dự kiến đăng ký thêm (3)	Thời gian dự kiến vào vận hành (4)	TBA 110kV dự kiến cấp điện (5)	Về đảm bảo cấp điện (6)
1	Không				

2. Dự báo nhu cầu phụ tải 2024

Căn cứ vào:

- Phụ tải quá khứ, đặc điểm phụ tải quá khứ trong (giai đoạn 2018-2023).
- Dự báo tình hình khôi phục, phát triển kinh tế địa phương năm 2024.
- Căn cứ vào tình hình phát triển phụ tải mới trong năm 2024.

Tháng	Toàn tỉnh (bao gồm TBA 110kV của cả ngành điện và khách hàng)		Ngành điện	
	Pmax (MW)	Pmin (MW)	Pmax (MW)	Pmin (MW)
T01	223.73	52.35	218.73	47.35
T02	231.94	53.47	226.94	48.47
T03	209.70	54.32	204.70	49.32
T04	205.07	55.24	200.07	50.24
T05	192.39	56.48	187.39	51.48
T06	177.59	64.47	172.59	59.47
T07	184.39	69.02	179.39	64.02
T08	191.96	64.72	186.96	59.72
T09	205.09	63.68	200.09	58.68
T10	230.15	59.45	225.15	54.45
T11	230.06	58.00	225.06	53.00
T12	251.38	61.58	246.38	56.58

Năm 2024 phụ tải hệ thống điện tỉnh Sơn La dự báo công suất max (Pmax) đạt ~251.3 MW, so với Pmax năm 2023 tăng 8.4% hay ~ 20 MW (Pmax 2023 dự kiến: 231.7 MW).

IV. PHƯƠNG ÁN CUNG ỨNG ĐIỆN NĂM 2024 TRÊN LƯỚI ĐIỆN PHÂN PHỐI CÔNG TY ĐIỆN LỰC SƠN LA TRONG TRƯỜNG HỢP HỆ THỐNG ĐIỆN QUỐC GIA THIẾU NGUỒN HOẶC VẬN HÀNH TRONG CHẾ ĐỘ CỰC KỲ KHẨN CẤP

1 Nguyên tắc chung

Mọi tổ chức, cá nhân sử dụng điện trên địa bàn tỉnh đều phải thực hiện nghiêm Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 08/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường tiết kiệm điện giai đoạn 2023-2025 và các năm tiếp theo;

- Ưu tiên cấp điện cho khách hàng sử dụng điện quan trọng được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt theo Quy định tại thông tư 22/2020/TT-BCT ngày 09/09/2020 của Bộ Công thương;

- Ưu tiên cấp điện cho các sự kiện chính trị - xã hội quan trọng và các sự kiện, nội dung khác theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh; Chỉ thực hiện tiết giảm các loại phụ tải này trong trường hợp quy mô thiếu nguồn quá lớn vượt quá khả năng điều tiết của Công ty Điện lực Sơn La.

- Phương án được thực hiện đảm bảo luân phiên, công bằng, không tiết giảm điện kéo dài đối với một khu vực hoặc một phụ tải điện, đáp ứng hợp lý nhu cầu điện cho sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của nhân dân.

- Phương án này được lập trên một nguyên tắc chung và sẽ được cụ thể hóa trong các phương án điều chỉnh, tiết giảm phụ tải theo kế hoạch vận hành tháng, tuần, ngày của Công ty điện lực Sơn La.

2. Phân nhóm thành phần phụ tải

Căn cứ theo đặc điểm, tính chất và nhu cầu sử dụng của các phụ tải trên địa bàn tỉnh, để có phương án cung ứng điện hợp lý cho đối tượng sử dụng điện, thực hiện phân loại thành các nhóm phụ tải như sau:

STT	Nội dung	Tên nhóm	Pmax dự kiến hè 2024 (MW)	Chiếm tỉ lệ %
1	Phụ tải quan trọng	1	20,4	10.8%
2	Phụ tải sinh hoạt và các phụ tải sản xuất, kinh doanh dịch vụ được cấp điện chung đường dây trung áp với phụ tải sinh hoạt	2		
2.1	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện lẫn vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1	2a	56,5	29.9%
2.2	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng lẫn vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1	2b	11,1	5.9%
2.3	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện và sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng không lẫn vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1 và cấp điện cho khu vực nội thành thành phố Sơn La	2c	7,1	3.8%
2.4	Nhóm các phụ tải sử dụng điện cho mục đích sản xuất.	2d	27,3	14.4%
2.5	Nhóm các phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện và sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng không lẫn vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1 và cấp điện cho: khu vực ngoại thành thành phố Sơn La; khu vực huyện Mộc Châu, Yên Châu, Mai Sơn, Mường La, Thuận Châu, Quỳnh Nhai, Phù Yên, Bắc Yên, Sông Mã, Sốp Sộp;	2e	66,7	35.3%
	Tổng		189.0	

3. Lập và thực hiện điều hòa phụ tải theo quy định tại thông tư 23/2017/TT-BCT ngày 16/11/2017 của Bộ Công thương

Trường hợp hệ thống điện quốc gia thiếu nguồn điện, Công ty Điện lực Sơn La xây dựng chương trình điều hòa phụ tải theo quy định tại thông tư 23/2017/TT-BCT ngày 16/11/2017 của Bộ Công thương, thực hiện các biện pháp để giảm thiểu ảnh hưởng của việc tiết giảm điện tới hoạt động sản xuất và đời sống nhân dân, cụ thể như sau:

- Thực hiện các biện pháp tiết kiệm điện và quản lý nhu cầu phụ tải điện;
- Thoả thuận với khách hàng sử dụng điện có nguồn điện dự phòng tại chỗ để khai thác các nguồn điện này khi xảy ra thiếu điện;
- Thoả thuận với khách hàng công nghiệp - xây dựng về phương thức tiết giảm điện luân phiên khi hệ thống thiếu điện năng hoặc điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh để giảm công suất tiêu thụ điện tại các giờ cao điểm khi hệ thống thiếu công suất; bố trí kế hoạch sản xuất hợp lý, xây dựng và thực hiện các phương án giảm nhu cầu sử dụng điện phù hợp với khả năng cung ứng điện.

4. Lập và thực hiện kế hoạch tiết giảm điện khi hệ thống điện quốc gia thiếu công suất theo quy định tại thông tư 34/2011/TT-BCT ngày 07/9/2011 của Bộ Công thương

4.1. Lập kế hoạch tiết giảm điện trong trường hợp xảy ra tình trạng thiếu công suất (thiếu hụt ở các mức 5%, 10%, 15%, 20%, 25%, 30%, 35%, 40%, 45%, 50% công suất) năm 2024

Sau khi thực hiện hết các biện pháp điều chỉnh phụ tải, công suất phụ tải toàn tỉnh vẫn có nguy cơ vượt mức phân bổ của Tổng Công ty điện lực miền Bắc, Công ty Điện lực Sơn La sẽ tiết giảm phụ tải theo các phương án được lập dưới đây.

Phương án này xây dựng kế hoạch tiết giảm điện trong trường hợp xảy ra tình trạng thiếu công suất (thiếu hụt ở mức 5%, 10%, 15%, 20%, 25%, 30%, 35%, 40%, 45%, 50% công suất) so với nhu cầu công suất sử dụng của cả tỉnh Sơn La năm 2024.

4.1.1- Các ngày trong năm (mức thiếu hụt đến 5% công suất so với nhu cầu sử dụng):

STT	Nội dung	Tên nhóm	Công suất			Thời gian cung cấp điện
			Pmax dự kiến hè 2024	Công suất lớn nhất phân bố	Công suất thiếu hụt	
			(MW)	(MW)	(MW)	
	Tổng		189,0	179,6	9,45	
1	Phụ tải quan trọng	1	20,4	20,4		Không tiết giảm
2	Phụ tải sinh hoạt và các phụ tải sản xuất, kinh doanh dịch vụ được cấp điện chung đường dây trung áp với phụ tải sinh hoạt	2				
2,1	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện lẫn vào phân đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1	2a	56,5	56,5		
2,2	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng lẫn vào phân đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1	2b	11,1	11,1		
2,3	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện và sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng không lẫn vào phân đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1 và cấp điện cho khu vực nội thành thành phố Sơn La	2c	7,1	7,1		
2,4	Nhóm các phụ tải sử dụng điện cho mục đích sản xuất,	2d	27,3	27,3		
2,5	Nhóm các phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện và sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng không lẫn vào phân đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1 và cấp điện cho: khu vực ngoại thành thành phố Sơn La; khu vực huyện Mộc Châu, Yên Châu, Mai Sơn, Mường La, Thuận Châu, Quỳnh Nhai, Phù Yên, Bắc Yên, Sông Mã, Sốp Sộp;	2e	66,7	57,2	9,5	Tiết giảm luân phiên, 4 Ngày tiết giảm 1 ngày trong 8h

4.1.2. Các ngày trong năm (mức thiếu hụt trên 5% đến 10% công suất so với nhu cầu sử dụng):

STT	Nội dung	Tên nhóm	Công suất			Thời gian cung cấp điện
			Pmax dự kiến hè 2024	Công suất lớn nhất phân bổ	Công suất thiếu hụt	
			(MW)	(MW)	(MW)	
	Tổng		189,0	170,1	18,90	
1	Phụ tải quan trọng	1	20,4	20,4		Không tiết giảm
2	Phụ tải sinh hoạt và các phụ tải sản xuất, kinh doanh dịch vụ được cấp điện chung đường dây trung áp với phụ tải sinh hoạt	2	-			
2,1	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện lần vào phân đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1	2a	56,5	56,5		
2,2	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng lần vào phân đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1	2b	11,1	11,1		
2,3	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện và sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng không lần vào phân đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1 và cấp điện cho khu vực nội thành thành phố Sơn La	2c	7,1	7,1		
2,4	Nhóm các phụ tải sử dụng điện cho mục đích sản xuất,	2d	27,3	24,3	3,0	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày trong 8h

STT	Nội dung	Tên nhóm	Công suất			Thời gian cung cấp điện
			Pmax dự kiến hè 2024	Công suất lớn nhất phân bổ	Công suất thiếu hụt	
			(MW)	(MW)	(MW)	
2,5	Nhóm các phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện và sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng không lẫn vào phân đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1 và cấp điện cho: khu vực ngoại thành thành phố Sơn La; khu vực huyện Mộc Châu, Yên Châu, Mai Sơn, Mường La, Thuận Châu, Quỳnh Nhai, Phù Yên, Bắc Yên, Sông Mã, Sốp Sộp;	2e	66,7	50,8	15,9	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày trong 8h

4.1.3. Các ngày trong năm (mức thiếu hụt trên 10% đến 15% công suất so với nhu cầu sử dụng):

STT	Nội dung	Tên nhóm	Pmax dự kiến hè 2024	Công suất lớn nhất phân bổ	Công suất thiếu hụt	Thời gian cung cấp điện
			(MW)	(MW)	(MW)	
			Tổng			
1	Phụ tải quan trọng	1	20,4	20,4		Không tiết giảm
2	Phụ tải sinh hoạt và các phụ tải sản xuất, kinh doanh dịch vụ được cấp điện chung đường dây trung áp với phụ tải sinh hoạt	2	-			
2,1	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện lẫn vào phân đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1	2a	56,5	56,5		

STT	Nội dung	Tên nhóm	Pmax dự kiến hè 2024	Công suất lớn nhất phân bổ	Công suất thiếu hụt	Thời gian cung cấp điện
			(MW)	(MW)	(MW)	
2,2	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng lần vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1	2b	11,1	11,1		
2,3	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện và sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng không lần vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1 và cấp điện cho khu vực nội thành thành phố Sơn La	2c	7,1	7,1		
2,4	Nhóm các phụ tải sử dụng điện cho mục đích sản xuất	2d	27,3	24,3	3,0	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày trong 8h
2,5	Nhóm các phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện và sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng không lần vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1 và cấp điện cho: khu vực ngoại thành thành phố Sơn La; khu vực huyện Mộc Châu, Yên Châu, Mai Sơn, Mường La, Thuận Châu, Quỳnh Nhai, Phù Yên, Bắc Yên, Sông Mã, Sốp Sộp;	2e	66,7	41,3	25,4	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày trong 8h

4.1.4. Các ngày trong năm (mức thiếu hụt trên 15% đến 20% công suất so với nhu cầu sử dụng):

STT	Nội dung	Tên nhóm	Pmax dự kiến hè 2024	Công suất lớn nhất phân bổ	Công suất thiếu hụt	Thời gian cung cấp điện
			(MW)	(MW)	(MW)	
	Tổng		189,0	151,2	37,80	
1	Phụ tải quan trọng	1	20,4	20,4		Không tiết giảm
2	Phụ tải sinh hoạt và các phụ tải sản xuất, kinh doanh dịch vụ được cấp điện chung đường dây trung áp với phụ tải sinh hoạt	2	-			
2,1	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện lần vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1	2a	56,5	56,5		
2,2	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng lần vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1	2b	11,1	11,1		
2,3	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện và sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng không lần vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1 và cấp điện cho khu vực nội thành thành phố Sơn La	2c	7,1	7,1		
2,4	Nhóm các phụ tải sử dụng điện cho mục đích sản xuất	2d	27,3	22,8	4,5	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày trong 8h
2,5	Nhóm các phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện và sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng không lần vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1 và cấp điện cho: khu vực ngoại thành thành phố Sơn La; khu vực huyện Mộc Châu, Yên Châu, Mai Sơn, Mường La, Thuận Châu, Quỳnh Nhai, Phù Yên, Bắc Yên, Sông Mã, Sốp Sộp;	2e	66,7	33,3	33,3	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày trong 8h

4.1.5 Các ngày trong năm (mức thiếu hụt trên 20% đến 25% công suất so với nhu cầu sử dụng):

STT	Nội dung	Tên nhóm	Pmax dự kiến hè 2024	Công suất lớn nhất phân bổ	Công suất thiếu hụt	Thời gian cung cấp điện
			(MW)	(MW)	(MW)	
	Tổng		189,0	141,8	47,25	
1	Phụ tải quan trọng	1	20,4	20,4		Không tiết giảm
2	Phụ tải sinh hoạt và các phụ tải sản xuất, kinh doanh dịch vụ được cấp điện chung đường dây trung áp với phụ tải sinh hoạt	2	-			
2,1	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện lần vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1	2a	56,5	56,5		
2,2	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng lần vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1	2b	11,1	11,1		
2,3	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện và sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng không lần vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1 và cấp điện cho khu vực nội thành thành phố Sơn La	2c	7,1	6,8	0,3	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày trong 8h
2,4	Nhóm các phụ tải sử dụng điện cho mục đích sản xuất	2d	27,3	13,6	13,6	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày trong 8h

STT	Nội dung	Tên nhóm	Pmax dự kiến hè 2024	Công suất lớn nhất phân bổ	Công suất thiếu hụt	Thời gian cung cấp điện
			(MW)	(MW)	(MW)	
2,5	Nhóm các phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện và sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng không lẫn vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1 và cấp điện cho: khu vực ngoại thành thành phố Sơn La; khu vực huyện Mộc Châu, Yên Châu, Mai Sơn, Mường La, Thuận Châu, Quỳnh Nhai, Phù Yên, Bắc Yên, Sông Mã, Sốp Sộp;	2e	66,7	33,3	33,3	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày trong 8h

4.1.6. Các ngày trong năm (mức thiếu hụt trên 25% đến 30% công suất so với nhu cầu sử dụng):

STT	Nội dung	Tên nhóm	Pmax dự kiến hè 2024	Công suất lớn nhất phân bổ	Công suất thiếu hụt	Thời gian cung cấp điện
			(MW)	(MW)	(MW)	
	Tổng		189,0	132,3	56,70	
1	Phụ tải quan trọng	1	20,4	20,4		Không tiết giảm
2	Phụ tải sinh hoạt và các phụ tải sản xuất, kinh doanh dịch vụ được cấp điện chung đường dây trung áp với phụ tải sinh hoạt	2	-			
2,1	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện lẫn vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1	2a	56,5	56,5		

STT	Nội dung	Tên nhóm	Pmax dự kiến hè 2024	Công suất lớn nhất phân bổ	Công suất thiếu hụt	Thời gian cung cấp điện
			(MW)	(MW)	(MW)	
2,2	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng lần vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1	2b	11,1	4,9	6,2	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày trong 8h
2,3	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện và sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng không lần vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1 và cấp điện cho khu vực nội thành thành phố Sơn La	2c	7,1	3,5	3,5	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày trong 8h
2,4	Nhóm các phụ tải sử dụng điện cho mục đích sản xuất	2d	27,3	13,6	13,6	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày trong 8h
2,5	Nhóm các phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện và sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng không lần vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1 và cấp điện cho: khu vực ngoại thành thành phố Sơn La; khu vực huyện Mộc Châu, Yên Châu, Mai Sơn, Mường La, Thuận Châu, Quỳnh Nhai, Phù Yên, Bắc Yên, Sông Mã, Sốp Sộp;	2e	66,7	33,3	33,3	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày trong 8h

4.1.7. Các ngày trong năm (mức thiếu hụt trên 30% đến 35% công suất so với nhu cầu sử dụng):

STT	Nội dung	Tên nhóm	Pmax dự kiến hè 2024	Công suất lớn nhất phân bố	Công suất thiếu hụt	Thời gian cung cấp điện
			(MW)	(MW)	(MW)	
	Tổng		189,0	122,9	66,15	
1	Phụ tải quan trọng	1	20,4	20,4		Không tiết giảm
2	Phụ tải sinh hoạt và các phụ tải sản xuất, kinh doanh dịch vụ được cấp điện chung đường dây trung áp với phụ tải sinh hoạt	2	-			
2,1	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện lần vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1	2a	56,5	46,4	10,1	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày trong 8h
2,2	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng lần vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1	2b	11,1	5,5	5,5	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày trong 8h
2,3	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện và sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng không lần vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1 và cấp điện cho khu vực nội thành thành phố Sơn La	2c	7,1	3,5	3,5	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày trong 8h
2,4	Nhóm các phụ tải sử dụng điện cho mục đích sản xuất	2d	27,3	13,6	13,6	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày trong 8h

STT	Nội dung	Tên nhóm	Pmax dự kiến hè 2024	Công suất lớn nhất phân bổ	Công suất thiếu hụt	Thời gian cung cấp điện
			(MW)	(MW)	(MW)	
2,5	Nhóm các phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện và sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng không lẫn vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1 và cấp điện cho: khu vực ngoại thành thành phố Sơn La; khu vực huyện Mộc Châu, Yên Châu, Mai Sơn, Mường La, Thuận Châu, Quỳnh Nhai, Phù Yên, Bắc Yên, Sông Mã, Sốp Sộp;	2e	66,7	33,3	33,3	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày trong 8h

4.1.8. Các ngày trong năm (mức thiếu hụt trên 35% đến 40% công suất so với nhu cầu sử dụng):

STT	Nội dung	Tên nhóm	Pmax dự kiến hè 2024	Công suất lớn nhất phân bổ	Công suất thiếu hụt	Thời gian cung cấp điện
			(MW)	(MW)	(MW)	
Tổng			189,0	113,4	75,60	
1	Phụ tải quan trọng	1	20,4	20,4		Không tiết giảm
2	Phụ tải sinh hoạt và các phụ tải sản xuất, kinh doanh dịch vụ được cấp điện chung đường dây trung áp với phụ tải sinh hoạt	2	-			
2,1	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện lẫn vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1	2a	56,5	36,9	19,5	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày trong 8h

STT	Nội dung	Tên nhóm	Pmax dự kiến hè 2024	Công suất lớn nhất phân bổ	Công suất thiếu hụt	Thời gian cung cấp điện
			(MW)	(MW)	(MW)	
2,2	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng lẫn vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1	2b	11,1	5,5	5,5	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày trong 8h
2,3	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện và sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng không lẫn vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1 và cấp điện cho khu vực nội thành thành phố Sơn La	2c	7,1	3,5	3,5	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày trong 8h
2,4	Nhóm các phụ tải sử dụng điện cho mục đích sản xuất	2d	27,3	13,6	13,6	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày trong 8h
2,5	Nhóm các phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện và sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng không lẫn vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1 và cấp điện cho: khu vực ngoại thành thành phố Sơn La; khu vực huyện Mộc Châu, Yên Châu, Mai Sơn, Mường La, Thuận Châu, Quỳnh Nhai, Phù Yên, Bắc Yên, Sông Mã, Sốp Sộp;	2e	66,7	33,3	33,3	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày trong 8h

4.1.9. Các ngày trong năm (mức thiếu hụt trên 40% đến 45% công suất so với nhu cầu sử dụng):

STT	Nội dung	Tên nhóm	Pmax dự kiến hè 2024	Công suất lớn nhất phân bổ	Công suất thiếu hụt	Thời gian cung cấp điện
			(MW)	(MW)	(MW)	
	Tổng		189,0	104,0	85,05	
1	Phụ tải quan trọng	1	20,4	20,4		Không tiết giảm
2	Phụ tải sinh hoạt và các phụ tải sản xuất, kinh doanh dịch vụ được cấp điện chung đường dây trung áp với phụ tải sinh hoạt	2	-			
2,1	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện lần vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1	2a	56,5	27,5	29,0	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày trong 8h
2,2	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng lần vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1	2b	11,1	5,5	5,5	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày trong 8h
2,3	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện và sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng không lần vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1 và cấp điện cho khu vực nội thành thành phố Sơn La	2c	7,1	3,5	3,5	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày trong 8h
2,4	Nhóm các phụ tải sử dụng điện cho mục đích sản xuất	2d	27,3	13,6	13,6	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày trong 8h

STT	Nội dung	Tên nhóm	Pmax dự kiến hè 2024	Công suất lớn nhất phân bổ	Công suất thiếu hụt	Thời gian cung cấp điện
			(MW)	(MW)	(MW)	
2,5	Nhóm các phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện và sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng không lẫn vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1 và cấp điện cho: khu vực ngoại thành thành phố Sơn La; khu vực huyện Mộc Châu, Yên Châu, Mai Sơn, Mường La, Thuận Châu, Quỳnh Nhai, Phù Yên, Bắc Yên, Sông Mã, Sốp Sộp;	2e	66,7	33,3	33,3	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày trong 8h

4.1.10. Các ngày trong năm (mức thiếu hụt trên 45% đến 50% công suất so với nhu cầu sử dụng):

STT	Nội dung	Tên nhóm	Pmax dự kiến hè 2024	Công suất lớn nhất phân bổ	Công suất thiếu hụt	Thời gian cung cấp điện
			(MW)	(MW)	(MW)	
Tổng			189,0	94,5	94,50	
1	Phụ tải quan trọng	1	20,4	20,4		Không tiết giảm
2	Phụ tải sinh hoạt và các phụ tải sản xuất, kinh doanh dịch vụ được cấp điện chung đường dây trung áp với phụ tải sinh hoạt	2	-			
2,1	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện lẫn vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1	2a	56,5	28,2	28,2	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1

STT	Nội dung	Tên nhóm	Pmax dự kiến hè 2024	Công suất lớn nhất phân bổ	Công suất thiếu hụt	Thời gian cung cấp điện
			(MW)	(MW)	(MW)	
						ngày trong 8h
2,2	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng lẫn vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1	2b	11,1	5,5	5,5	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày trong 8h
2,3	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện và sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng không lẫn vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1 và cấp điện cho khu vực nội thành thành phố Sơn La	2c	7,1	3,5	3,5	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày trong 8h
2,4	Nhóm các phụ tải sử dụng điện cho mục đích sản xuất	2d	27,3	13,6	13,6	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày trong 8h
2,5	Nhóm các phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện và sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng không lẫn vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1 và cấp điện cho: khu vực ngoại thành thành phố Sơn La; khu vực huyện Mộc Châu, Yên Châu, Mai Sơn, Mường La, Thuận Châu, Quỳnh Nhai, Phù Yên, Bắc Yên, Sông Mã, Sốp Sộp;	2e	66,7	33,3	33,3	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày trong 8h

4.2. Lập và thực hiện kế hoạch tiết giảm công suất tại địa phương cho tuần W+2 và cập nhật, điều chỉnh kế hoạch tiết giảm công suất tuần W+1

- Trường hợp hệ thống điện quốc gia thiếu công suất, căn cứ căn cứ kế hoạch phân bổ công suất của Tổng công ty điện lực miền Bắc và căn cứ kế hoạch tiết giảm điện trong trường hợp xảy ra tình trạng thiếu công suất (thiếu hụt ở mức tải 5%, 10%, 15%, 20%, 25%, 30%, 35%, 40%, 45%, 50% công suất) năm 2024 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Trước 16h00 ngày thứ sáu tuần W (tuần hiện tại), Công ty Điện lực Sơn La có trách nhiệm hoàn thành kế hoạch tiết giảm công suất cho tuần W+2 và cập nhật, điều chỉnh kế hoạch tiết giảm công suất tuần W+1, báo cáo Sở Công Thương để theo dõi và giám sát thực hiện.

4.3. Xây dựng kế hoạch tiết giảm điện khi hệ thống điện quốc gia vận hành trong chế độ cực kỳ khẩn cấp

Đây là phương án để Công ty Điện lực Sơn La căn cứ thực hiện trong trường hợp hệ thống điện Quốc gia vận hành trong chế độ cực kỳ khẩn cấp (được quy định tại Thông tư quy trình xử lý sự cố hệ thống điện Quốc gia), khi có lệnh sa thải phụ tải từ Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia/miền Bắc (A0/A1) với các mức công suất được quy định tại văn bản 2939/EVN-KTSX+KD ngày 01/06/2023 và 2496/EVNNPC-KT ngày 02/06/2023.

Nguyên tắc lập phương án trong trường hợp cực kỳ khẩn cấp:

- Phương án được lập phải chỉ rõ các điểm cắt trong từng mức công suất để thực hiện, và ưu tiên thực hiện từ các thiết bị thao tác xa từ hệ thống SCADA do mức độ khẩn cấp.

- Luân phiên để đảm bảo hạn chế việc sa thải 1 vùng phụ tải trong thời gian dài đối với các trường hợp thường xuyên nhận được lệnh sa thải của A0/A1 hoặc các trường hợp A0/A1 lệnh sa thải với thời gian dài.

- Trường hợp thực hiện sa thải phụ tải trong chế độ cực kỳ khẩn cấp diễn ra trong nhiều ngày liên tiếp hoặc kéo dài nhiều giờ trong 1 ngày, phương án sa thải thực hiện theo kịch bản điều tiết cung ứng điện trong trường hợp xảy ra tình trạng thiếu công suất ở mức 5%, 10%, 15%, 20%, 25%, 30%, 35%, 40%, 45%, 50% công suất đã nêu tại mục 4.4.

5. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

5.1 Công ty Điện lực Sơn La:

- Lập phương án ngừng giảm cung cấp điện theo các kịch bản thiếu hụt 5%, 10%, 15%, 20%, 25%, 30%, 35%, 40%, 45%, 50% so với công suất sử dụng của đơn vị hoặc vận hành ở chế độ khẩn cấp sau khi phương án được phê duyệt.

- Phổ biến cho các cán bộ nhân viên trong đơn vị nắm bắt được đầy đủ nội dung phương án và nghiêm túc thực hiện.

- Chỉ huy thao tác (không chậm trễ) khi có lệnh của Trung tâm điều độ HTĐ miền Bắc, yêu cầu của Tổng công ty Điện lực miền Bắc.

- Thường xuyên theo dõi phụ tải, thực hiện Thông báo cho các Khách hàng sử dụng điện khi thực hiện điều tiết công suất trong trường hợp xảy ra thiếu công suất phải ngừng giảm cung cấp điện theo các kịch bản thiếu hụt 5%, 10%, 15%, 20%, 25%, 30%, 35%, 40%, 45%, 50% so với công suất sử dụng của đơn vị.

- Lên kế hoạch tổ chức làm việc với các khách hàng thuộc nhóm sản xuất công nghiệp thuộc danh sách phải cắt giảm trong các trường hợp phải cắt giảm công suất, đề nghị: Chuẩn bị kế hoạch sản xuất phù hợp trong năm 2024, tránh sử dụng công suất lớn vào các tháng mùa hè (từ cuối tháng 5 đến hết tháng 8), đặc biệt là các khung giờ cao điểm trưa từ 12h00 phút đến 15h00 phút và khung giờ cao điểm tối từ 21h00 phút đến 23h00 phút hàng ngày).

- Chỉ đạo các Điện lực trực tiếp làm việc với các khách hàng sản xuất có trạm chuyên dùng, khách hàng có công suất sử dụng điện lớn để ký cam kết phối hợp thực hiện tiết giảm công suất, sản lượng điện khi hệ thống thiếu nguồn và phải thực hiện tiết giảm.

- Báo cáo tình hình cung ứng điện trên địa bàn với Sở Công thương, UBND huyện, Thành phố về khả năng phải tiết giảm công suất sử dụng điện trong các tháng mùa hè. Phối hợp với các cơ quan Báo, Đài công tác tuyên truyền tiết kiệm điện, hướng dẫn sử dụng điện an toàn, hiệu quả tiết kiệm.

5.2. Sở Công thương.

- Giám sát việc thực hiện ngừng, giảm mức cung cấp điện theo phương án cung ứng điện năm 2024 trên địa bàn tỉnh Sơn La khi hệ thống điện quốc gia thiếu nguồn hoặc vận hành ở chế độ khẩn cấp đã được phê duyệt. Phối hợp với Công ty Điện lực Sơn La trong công tác tuyên truyền, kiểm tra các khách hàng sử dụng điện việc tuân thủ các quy định của pháp luật về sử dụng điện an toàn, tiết kiệm, hiệu quả.